**TU LÀ ĐI TÌM MÙA XUÂN MIÊN VIỄN**

**Hồng Phúc**

HP

Từ xưa đến nay, dưới mắt thế nhân, mùa Xuân là sự bừng tỉnh của thiên nhiên sau giấc ngủ dài đắm chìm trong tiết Đông thiên lạnh lẽo. Khi Xuân đến, hơi ấm nhẹ nhàng lan tỏa khắp nơi, len qua từng chiếc lá, cành cây, ngọn cỏ, để cây cối đâm chồi nảy lộc, muôn hoa đơm nụ khoe sắc, vạn vật tươi vui đón chào ánh dương quang rực rỡ.

Mùa Xuân là mùa của đất trời giao hòa, làm hồi sinh sức sống cho muôn loài, đem đến cho con người sự gần gũi với thiên nhiên, giúp cho con người cảm nhận, hòa mình vào sự thay đổi của tiết trời. Mùa Xuân không chỉ là một khoảnh khắc thời gian tiếp nối xoay vần, mà còn là thời điểm mang nhiều ý nghĩa sâu sắc đối với cuộc sống con người, bởi vì mùa Xuân là mùa khởi đầu của sự sống, ước mơ, đem đến muôn loài vạn vật một sự **canh tân đổi mới**, mang đến cho con người suối **nguồn hy vọng**, để tâm hồn con người có cơ hội mở rộng cùng với thiên nhiên, quay về với tình thương nguyên sơ trong đức háo sanh của Tạo Hóa. Chính vì vậy, mùa Xuân được coi như giai đoạn đẹp nhất của đời người, đó là tuổi thanh xuân, giai đoạn rực rỡ nhất, sung sức nhất của kiếp người.

Tuy nhiên, có khởi đầu thì có kết thúc, mùa Xuân cảnh vật rồi sẽ qua đi, người đời có thêm một mùa Xuân cũng đồng nghĩa bước thêm một tuổi hướng dần về mùa Đông tuổi già để cuối cùng phải dừng lại theo quy luật của cõi vô thường, do bởi, không thể có mùa Xuân vĩnh cửu với người thế tục nơi cuộc sống dương gian. Nhà thơ Chế Lan Viên đã nhận ra điều đó, nên đã có những dòng thơ than vãn:

“*Tôi có chờ đâu có đợi đâu*

*Đem chi xuân đến gợi thêm sầu*

*Với tôi tất cả đều vô nghĩa,*

*Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau*.”

Hay thi sĩ Xuân Diệu đã từng lo sợ, tiếc nuối vì thấy rằng ngay cả mùa Xuân nhân thế cũng không thoát khỏi quy luật không- thời nơi cõi nhị nguyên:

“*Xuân đang đến nghĩa là Xuân đang qua*

*Xuân còn non nghĩa là Xuân sẽ già*

*Và Xuân hết nghĩa là tôi cũng chết*”

Người đời mấy ai hiểu được lý huyền nhiệm của Xuân là luật tắc vận hành xuyên suốt từ chỗ xuất sanh đến phản bổn. Dưới mắt kẻ phàm phu tục tử, mùa Xuân chỉ là những khoảnh khắc ngắn ngủi, hạn định theo từng cánh hoa mai, hoa đào, đến rồi đi theo một quy luật tuần hoàn của thời gian để rồi một kiếp người bao nhiêu lần đón Xuân đến và tiễn Xuân đi trong ngậm ngùi tiếc nuối. Con người nơi thế gian bị cuốn hút đắm chìm theo luật tắc vận hành mà Hóa Công dành cho loài nhỏ nhoi hạ tiện vươn mình tiến hóa theo vòng sanh, trưởng, thâu, tàng; để cảm hoài cho thân phận, chợt thấy cuộc đời người cũng giới hạn trong bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông.

Xuân là khoảng thời gian thơ ấu từ khi cất tiếng khóc chào đời được nuôi dưỡng chở che trong vòng tay của cha mẹ, rồi đến Hạ là giai đoạn trưởng thành, bắt đầu bước vào trường đời để trả nợ áo cơm, xây dựng gia đình. Đến mùa Thu đời người là tạo nên công danh sự nghiệp, để rồi bước vào mùa Đông đời người, chờ ngày trở lại chốn hư vô. Tuy nhiên, với con người, không giản đơn như các loài thảo mộc, cuối tiết Đông thiên, chuyển mình trở lại phục hồi sức sống tự nhiên, bởi vì con người là một tiểu vũ trụ, là một chủ thể tự do, tự mình tiến hóa. Con người sau khi kết thúc một kiếp làm người, lại chuẩn bị bước vào một kiếp sống khác trong vòng luân hồi với đầy đủ hành trang nghiệp lực mà con người đã mang theo khi từ giã cõi đời. Do bởi con người là tiểu vũ trụ với sự kết cấu và cơ chế vận hành của nhân thân giống như đại vũ trụ, chỉ gồm hai nguyên lý Âm- Dương, đắp đổi không ngừng trong vòng Ngũ hành tương sinh tương khắc, tức bắt buộc phải thuận tùng theo tự nhiên thì mới tồn tại, nhưng cuộc sống thế gian đã lôi kéo con người vào vòng đam mê vật chất, vào tham vọng tranh giành, làm điều tội nghiệp đa đoan, kết thành nhân quả, trói buộc linh hồn vào vòng luân hồi chuyển kiếp, cho nên phải chịu “*xa nguồn, lạc dấu quày chơn”,* để cho“*Kim thân lại hóa phàm thân đọa* *đày”*[[1]](#footnote-1)*,* và đành mất đi mùa Xuân miên viễn nơi miền đất tạm, và con người chỉ còn lại mùa Xuân ngắn ngủi trong ý nghĩa của sự khởi đầu một chu trình tái tạo mà Tạo Hóa dành cho muôn loài tiến hóa theo quy luật “sanh trưởng thâu tàng” với bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông như lời dạy của Đức Chí Tôn:

*Cứ mỗi độ trần này Xuân đến,*

*Là chu trình định mệnh diệt sanh,*

*Hạ, Thu, Đông ấy Trời dành,*

*Cho loài nhỏ nhít hóa sanh kịp kỳ.[[2]](#footnote-2)*

Đến nay, một chu kỳ vũ trụ sắp khép lại, con người chợt tỉnh cơn mê, nhân loại đang trên bờ vực của sự tương tàn hủy diệt. Không còn con đường nào khác hơn để tìm thấy lối sinh tồn, ngoài con đường quay về với tâm linh, tìm phương tu hành để mong một sự cứu độ từ cõi thiêng liêng. Người giác ngộ, kẻ tu hành có biết chăng, đó cũng chính là con đường tìm lại mùa Xuân miên viễn mà Đấng Tạo Hóa đã ban cho con người trong buổi nguyên sơ, đã được Đức Từ Phụ xác nhận trong cơ tận độ Kỳ Ba:

“*Là một trong tam tài định vị,*

*Là muôn trong một lý nhứt nguyên,*

*Con ôi! P**hú bẩm do Thiên,*

*Máy linh Tạo Hóa ban truyền cho con.*

*Có vũ trụ sông non gồm đủ,*

*Có hình hài riêng thú kiền khôn,*

*Có Xuân bất diệt trường tồn,*

*Cho vào thế hạ chiêu hồn vạn sanh.”[[3]](#footnote-3)*

Như vậy, với người tín đồ Cao Đài, Tu không chỉ là cội phúc, Tu không chỉ để giải thoát luân hồi, mà “**Tu còn là đi tìm mùa Xuân miên viễn”**.

**1. Mùa Xuân là đức Nguyên của đạo Kiền**

Theo Dịch lý, Kiền với bản thể thuần Dương cương kiện, biến hóa vô cùng, là nguồn phát sinh sức sống kỳ diệu trường cửu cho cả vạn vật muôn loài với bốn đức lớn là Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh được thể hiện ra bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông với bốn tính chất tiêu biểu cho sự hóa sanh và trưởng dưỡng trong thiên nhiên:

- Mùa Xuân: Dương khí sơ sanh phát sanh vạn vật là đức Nguyên của đạo Kiền.

- Mùa Hạ: Dương khí thông thoáng, làm cho vạn vật trưởng thành, phát vượng, là đức Hanh của đạo Kiền.

- Mùa Thu: Dương khí hiện bày làm cho vạn vật thành tựu, đó là đức Lợi của đạo Kiền

- Mùa Đông: Dương khí thu lại ẩn tàng, vạn vật quy căn, tức là đức Trinh của đạo Kiền.

Nguyên có nghĩa là nguồn đầu, nhưng phải gọi là đức Nguyên, vì là một sự khởi đầu phát xuất sự sinh tồn của muôn loài vạn vật, thể hiện đức háo sanh của Tạo Hóa cho nên Đức Khổng Tử viết: *“Đại tai Kiền Nguyên, vạn vật tư thỉ, nãi thống thiên”* có nghĩa: “Lớn thay đức Nguyên của đạo Kiền, muôn vật nhờ đó mà phát sinh, thống lĩnh cả đạo Trời”. Đức Thánh Trần đã diễn giải như sau:

*“Lớn thay bốn đức Đạo Kiền,*

*Trọn lành hơn hết, đức ‘Nguyên’ nhiệm mầu.*

*Tạo nhân, khai thể ban đầu,*

*Muôn loài chung dục trong bầu Kiền Khôn.*

*Thống gồm thâu đạo nhứt môn…”[[4]](#footnote-4)*

Như vậy, trong cõi hữu giới, bốn đức Nguyên Hanh Lợi Trinh ứng với bốn mùa Xuân- Hạ- Thu- Đông nhưng không có nghĩa là đức Nguyên chỉ ở mùa Xuân, bởi vì đức Nguyên còn là năng lực vĩ đại vừa sanh hóa vạn loài vừa vận hành thống chưởng Càn Khôn xoay vần trong định luật sanh- trưởng- thâu- tàng của vạn hữu

*“Một đức Huyền Thiên hóa vạn loài,*

*Thâu tàng sinh trưởng luật vần xoay,*

*Phật Tiên, Thần Thánh đều do bởi,*

*Diệu hiệp Thiên cơ ở cõi này*.”[[5]](#footnote-5)

Do vậy, dù thời tiết bước sang Hạ, Thu, hay Đông, Xuân vẫn là tiềm lực thúc đẩy sự vận hành của vạn hữu. Bởi vì Xuân là Đạo trường tồn bất biến, là luật tắc vận hành từ vô thỉ đến vô chung. Điều này đã được Đức Đông Phương Lão Tổ chỉ rõ:

*“Xuân là đức Nguyên, là gốc. Gốc hấp thụ nhựa sống của đất trời mà bủa sung cành lá để kết quả đơm hoa, cũng như không có con người nào mà không có Thượng Đế tính. Thế thì người giác ngộ, bậc Thiên ân hướng đạo đang trỗi bước trên đường Đại Đạo, muốn thưởng xuân, phải biết ý xuân. Xuân là Đạo, là tâm. Xuân cũng là luật tắc vận hành từ chỗ xuất sanh đến khi phản bổn.”[[6]](#footnote-6)*

Đó là ý nghĩa của “Mùa Xuân miên viễn”.

**2. Mùa Xuân là đức Nhân nơi con người**

Theo Dịch lý, Trời Đất tức Kiền- Khôn có bốn đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Giáo lý Khổng giáo dạy Người có bốn đức lớn là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, trong đó, đức Nhân là sự hoàn thiện của đạo làm người đặt trên nền tảng căn bản là tình thương cao cả xuất phát từ đức háo sanh của Thượng Đế, tức là đức Nguyên của đạo Kiền Khôn. Nói cách khác, đức Nguyên nơi đạo Trời tương ứng với đức Nhân nơi đạo Người. Đạo Trời sinh sinh hóa hóa không cùng, Người phải theo đó mà hành động đúng với đạo Trời để hoàn thiện đạo làm người. Đức Khổng Tử dạy trong phần Văn ngôn quẻ Kiền: *“Bậc quân tử lấy đức Nhân làm bản thể thì đủ làm cho người được trưởng thành, gom góp mọi điều đẹp đẽ để hợp với Lễ, làm ích lợi cho mọi vật đủ để điều hòa các mối tương giao (tức là Nghĩa), lấy chính bền đủ làm căn bản cho mọi việc (tức Trí)*”.

Đức Nhân là tình thương phát tiết một cách tự nhiên thành thật hợp đạo lý, đúng theo lẽ phải, tức là đức Lễ, làm điều gì cũng có lợi cho người, tạo nên mối tương quan tốt đẹp giữa người với người, thị hiện được đức Nghĩa, và luôn suy xét biện phân phải trái để không lầm lẫn sai đường đạo lý, tiêu biểu cho đức Trí.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Vô Cực Từ Tôn dạy đơn giản, đức Nhân là tình thương không biên cương, không phân biệt, dành cho muôn loài một cách tích cực, tức cụ thể hóa bằng hành động giúp cho muôn loài cùng sống cùng tiến hóa theo luật tắc của Tạo Đoan:

*“Nhân là thương khắp muôn loài vạn chủng,*

*Không biệt phân nòi giống lạ hay quen;*

*Cũng không chia cao thấp sang hèn,*

*Thương kẻ ghét mình mà lo tế độ.”[[7]](#footnote-7)*

Trong ý nghĩa đó, con đường tu hành chính là con đường đưa con người vươn tới đức Nhân, để tìm thấy mùa xuân miên viễn trong lý Đạo huyền vi.

**3. Mùa Xuân miên viễn là Đạo- Mùa xuân tự tánh**

Khi chưa hiểu Đạo, con người chỉ nhận ra mùa Xuân và rộn ràng với mùa Xuân khi những tia nắng ấm bắt đầu xuất hiện sau những ngày dài giá lạnh, cây cối trở mình nẩy lộc, và muôn hoa kết nụ đơm bông. Con người càng hướng ngoại cầu tìm mùa xuân đời, xuân cảnh, con người càng rơi vào não phiền, tiếc nuối, lo toan, đợi chờ…

Chỉ khi nào có trí tuệ giác ngộ, trực diện được chơn tâm, mở được cánh cửa tự tánh hằng thường, con người mới tìm thấy mùa Xuân miên viễn, như vua Trần Nhân Tông, sơ tổ của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử mô tả trong bài thơ Xuân Vãn cái nhìn về mùa Xuân lúc còn bé chưa biết tu và khi đã là vị Thiền Sư đạt Đạo:

*“Niên thiếu hà tằng liễu sắc không*

*Nhất Xuân tâm sự bách hoa trung*

*Như kim khám phá Ðông hoàng diện*

*Thiền bản, bồ đoàn khán trụy hồng.”*

Dịch nghĩa:

“*Thuở bé chưa từng rõ sắc không*

*Xuân về hoa nở rộn trong lòng*

*Chúa Xuân nay bị ta khám phá*

*Trải chiếu giường Thiền ngắm mặt hồng*.”[[8]](#footnote-8)

Mai Hoa Ni đời Tống mượn hình ảnh Xuân cảnh và Xuân Đạo, viết bài thơ Ngộ Đạo như sau:

*“Tận nhật tầm Xuân bất kiến Xuân*

*Mang hài đạp phá đỉnh đầu vân*

*Quy lai khước quá mai hoa hạ*

*Xuân tại nhi đầu dĩ thập phân.”*

Ðỗ Tùng Bách dịch:

*“Tìm xuân, chẳng thấy bóng xuân sang,*

*Giày rơm giẫm nát đỉnh mây ngàn,*

*Trở về chợt ngửi hương mai ngát,*

*Xuân ở đầu cành đã chứa chan.”*

Tìm xuân tức là tìm Đạo. Tâm lý người tu thường cầu tìm Đạo bên ngoài, qua hình danh sắc tướng, mà không hay rằng điểm Đạo có sẵn trong mỗi con người, ngay cả đạo pháp cũng nằm trong thân tứ đại, con người muốn tìm thấy Đạo, đắc Đạo, chỉ cần phản tỉnh nội cầu, luyện kỷ, tu công.

Thiền sư Mãn Giác, với bài kệ Cáo Tật Thị Chúng nổi tiếng:

*“Xuân khứ bách hoa lạc*

*Xuân đáo bách hoa khai*

*Sự trục nhãn tiền quá*

*Lão tùng đầu thượng lai*

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận*

*Đình tiền tạc dạ nhứt chi mai.”*

“Xuân khứ bách hoa lạc” nghĩa là Xuân đi trăm hoa rụng. “Xuân đáo bách hoa khai” là Xuân đến trăm hoa nở. “Sự trục nhãn tiền quá” là sự việc cứ trôi qua trước mắt. “Lão tùng đầu thượng lai” là cái già đã đến trên mái đầu rồi.

Xuân đi hoa rụng, rồi xuân đến hoa nở, cứ tuần hoàn qua lại, sự vật theo thời gian sinh diệt đổi thay không ngừng. Nhìn lại con người, cũng cùng chung số phận, bao nhiêu lần háo hức đón xuân rồi mệt mỏi tiễn xuân, những mùa xuân ngắn ngủi, rồi tuổi già đến, chỉ còn nấm mồ hoang lạnh. Cuộc đời vô thường biến chuyển theo thời gian, cả vật lẫn người không thoát khỏi cái sinh diệt của vô thường. Nhưng trong cái vô thường vẫn còn cái hằng thường với hai câu kết của bài kệ:

*“Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận*

*Đình tiền tạc dạ nhứt chi mai.”*

Dịch nghĩa:

*“Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết*

*Đêm qua sân trước một cành mai.”*

“Cành mai” đêm qua vẫn còn hoa nở ở sân trước, chính là Phật tánh, là Thiên tánh, là điểm linh quang ẩn tàng hằng thường bất biến, là mùa xuân miên viễn mà Thượng Đế phú bẩm cho con người làm hành trang trên đường tiến hóa trở lại cõi vô sanh.

Như vậy, để tìm thấy mùa xuân miên viễn, con người phải tự giải thoát khỏi ngục tù sanh tử luân hồi, phải đoạn diệt cho được với phàm phu tục tánh bằng con đường tu học. Nhưng chữ TU phải hiểu như thế nào? phải hành như thế nào? để có thể đạt được mục tiêu tối hậu?

**THẾ NÀO LÀ TU?**

Tu có nghĩa đơn giản là “sửa”. Có thể định nghĩa Tu là sửa đổi bản thân theo đường đạo đức, khép mình trong giới luật của tôn giáo, nghiên cứu học hỏi giáo lý, công phu luyện Đạo, sáng suốt bớt chỗ dư, bồi chỗ thiếu, luôn giữ mức quân bình, không được rời xa Đạo dù trong khoảnh khắc, để tích trữ công đức, đạt được chỗ trường sinh bất tử cho linh hồn tức là giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, tiến hóa lên nấc thang siêu xuất thế gian.

Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy rất rõ:

*Tu là sửa những gì đã trật,*

*Tu là bồi cái mất thân tâm,*

*Tu là tránh nẻo sai lầm,*

*Tu là phục thiện lòng phàm sửa đoan.[[9]](#footnote-9)*

Như vậy, TU không có nghĩa đơn giản như tâm lý người đời thường ngộ nhận: Tu là ăn chay, đi chùa, niệm Phật, cúng dường, làm phước; hay cao hơn, TU là đi nghe thuyết giảng giáo lý, tham gia những khóa thiền định,…

Mà “TU” là chấp nhận dấn thân vào một cuộc đại cách mạng bản thân, sửa đổi toàn diện con người mình từ xác thân đến linh hồn để biến đổi chính mình từ phàm sang Thánh. Đó là con đường gian nan vô cùng khó khăn, đòi hỏi con người không chỉ phải có lòng quyết tâm cao độ, đại chí đại hùng, để dứt bỏ những thói quen phàm tục đã ăn sâu gốc rễ từ nhiều kiếp mà còn phải có một sự kiên định với một niềm tin bất thoái chuyển, đồng thời phải có sự sáng suốt để đi đúng thiên lý thì mới về đến bến đỗ là Đạo. Đây là điều quan trọng khó nhất, vì trình độ căn cơ tiến hóa của mỗi người, vì mức độ tiêm nhiễm thành kiến xã hội, vì tư duy của chủng nghiệp gia đình, mỗi người sẽ có nhận thức khác nhau, ngay trong việc chọn lựa cho mình một phương tiện để tu, một con đường để đi. Đó là lý do tại sao có rất nhiều người chấp nhận nghe theo những giáo phái không phải là tôn giáo, chỉ vì họ nhận thấy những lý thuyết phù hợp với tâm lý, ý muốn của mình. Ngay cả những người đã tìm được chánh pháp cho mình, cũng vẫn có thể hiểu sai giáo lý, dẫn đến niềm tin thần quyền, mê tín, và dần dần xa rời thiên lý.

Tuy nhiên, đã hiểu: *TU là sửa những gì đã trật, TU là bồi cái mất thân tâm, TU là tránh nẻo sai lầm”,* vấn đề đặt ra là phải biết “cái gì trật”, “cái gì bị mất ở thân tâm”, và đâu là “nẻo sai lầm”. Bởi vì con người vốn vô minh do nghiệp lực che mất sự sáng suốt ban sơ của Trời phú bẩm; con người lại bị lòng tham dục, tự ái che lấp, cái Ngã luôn cao ngất như núi Thái Sơn, nên chỉ thấy cái sai, cái trật ở người khác, mà không nhận ra được cái sai của chính mình. Đó là chưa kể, đôi lúc dù đã nhận ra khuyết điểm của mình nhưng lại không sửa được.

Do vậy, “TU” còn có ý nghĩa đi tìm sự sáng suốt để phân biệt phải quấy, đúng sai để mà sửa đổi. Giáo lý Cao Đài đã chỉ ra con đường công quả, công phu sẽ dẫn dắt con người từng bước vẹt màn vô minh để tạo nên công trình sửa đổi phàm tâm, Thánh hóa bản thân.

**SONG TU TÁNH MẠNG**

Khi nói đến việc tu hành, người ta thường đề cập đến việc “tu tâm luyện tánh”. Nhưng trong Tam Kỳ Phổ Độ, con đường đi của những người học trò Tiên thờ Đức Cao Đài không chỉ tu tâm luyện tánh mà còn phải “Song tu Tánh Mạng”; và nếu hiểu chữ tu theo nghĩa đơn giản là sửa đổi, thì đó là con đường sửa đổi Tánh và Mạng được thực hiện song hành cùng một lúc.

Tánh: Hiểu một cách nôm na, đơn giản, Tánh thuộc về phần linh hồn vô hình, là nội tâm bao gồm ý chí, tư tưởng, tư duy của con người, có thể nhìn thấy qua tánh tình, nết na, đức hạnh, hành vi cử chỉ của mỗi người. Tánh cũng gọi là “chân ý”, “chân thần”. Tánh luôn tồn tại điều khiển thân xác.

Mạng hiểu đơn giản là thân sống của con người, thuộc về phần hữu hình, là nhục thể, là xác thân được kết hợp từ bốn chất là đất, nước, lửa, gió, nên gọi là thân tứ đại, do âm khí hậu thiên của Trời phú bẩm cho cha mẹ sở sanh; cũng gọi là nguyên tinh, nguyên khí.

Song tu Tánh Mạng là rèn luyện, sửa đổi, bồi dưỡng cả hai phương diện Tánh lẫn Mạng. Tu dưỡng tâm tính, tu dưỡng đạo đức, nhân cách gọi là Tính công. Phương cách giúp cho kéo dài tuổi thọ, gọi là Mệnh công. Nói rõ hơn, tu Tánh cho đức hạnh viên dung, bao gồm cả việc rèn Tâm trung chính, tức giữ tâm ngay thẳng, thành thật một cách kiên định, bền bĩ để bản thân được cải sửa từ phàm nhân ra Thánh nhân. Tu Mạng cho thân xác khỏe mạnh, thanh khiết. Đức Chí Tôn dạy: *“Hễ muốn cho chơn thần đặng tinh khiết thì phải giữ gìn thân thể cho tráng cường. Muốn dưỡng phần hồn tất phải nuôi phần xác.”[[10]](#footnote-10)*

Như vậy, tu Tánh cũng chính là luyện Mạng để thâu nhiếp khí hạo nhiên tức là khí tiên thiên hay dương khí có tác dụng nuôi dưỡng, giữ gìn thân xác cho mạnh khỏe tráng kiện, đồng thời trục đuổi tà khí uế trược nặng nề ra khỏi thể xác. Nhưng quan trọng hơn nữa là sự bồi đắp khí tiên thiên qua công phu thiền định còn giúp cho con người đắc quả thành Tiên Phật.

Theo Lão Giáo: Phép Song tu Tánh Mạng bao gồm bốn điểm mà người tu Tiên phải thực hành:

- Điều hòa nhịp thở bằng tâm dựa vào sự hợp nhất giữa thần và khí, tức tâm vận hành theo nhịp thở, tâm hòa hợp cùng nhịp thở. Đó là nền tảng để cân bằng sức sống.

- Ăn uống bồi bổ.

- Vận động toàn thân.

- Tĩnh tọa ngồi thiền.

Ngày nay, Tân Pháp Cao Đài cũng không khác mấy với Cựu pháp của Tiên gia.

Tu tánh tức là luyện thần để cho điểm Tiểu Linh Quang trở nên sáng suốt linh diệu, có đủ quyền năng sánh cùng Trời Đất trong thế Tam Tài. Tuy nhiên, sự luyện thần chỉ hoàn chỉnh khi được chuẩn bị và hỗ trợ bởi việc luyện kỷ để chế phục thất tình lục dục, tạo điều kiện cho thần tĩnh lặng, phàm tánh trở thành Chơn Tánh, Nguyên Tánh.

Tuy có sự minh định về tu tánh và tu mạng, nhưng đó là hai việc không thể tách rời nhau, vì phải luôn có sự kết hợp đồng bộ giữa tinh, khí, thần trong quá trình tu luyện. Thần có tĩnh lặng mới có thể chủ động dẫn khí hậu thiên (dưỡng khí thông thường) trong từng hơi thở để chế luyện thành Khí Tiên Thiên. Tác dụng đầu tiên là thân sanh khoẻ mạnh, hình thể tươi nhuận và tinh thần trở nên linh hoạt sáng suốt hơn, sự sống và sức sống càng phát triển. Khí Tiên Thiên càng tích lũy được nhiều, sự sống càng dài lâu.

Ðức Ðông Phương Lão Tổ cũng có dạy rằng: Cách luyện nầy chỉ có Âm Dương, thần khí và tánh mạng (tu Tánh luyện Mạng) hay là câu luyện khí công để nuôi trí não, luyện trí não để mở khiếu “Huyền Quan”, để chơn Thần được xuất ra dễ dàng mà trở về nơi quê xưa chốn cũ.

Tóm lại, vấn đề tu hành để đạt Đạo chỉ có: Ðịnh tâm sửa tánh, gìn giữ bổn mạng và tu luyện cho Thần Khí khai thông các huyệt đạo thì chân Thần mới xuất ra được mà trở về.

Nghĩa là: Ðịnh được tâm đừng để vướng mắc các ngục tù như tửu sắc tài khí, tham sân si dục, sanh lão bịnh tử. Sửa đổi tánh phàm trở thành tánh Thánh,Tiên, Phật. Gìn giữ bổn mạng cho không bịnh hoạn để làm công quả trả nợ tiền khiên, và lo công phu thiền định để gột rửa linh hồn.

Nguồn gốc căn bản của sức khỏe là tại tâm. Hết thảy pháp từ tâm sinh ra. Tâm tịnh thân sẽ tịnh. Tâm định thì khí sẽ thuận, khí thuận thì máu sẽ thông, khí thuận huyết thông thì trăm bệnh đều sẽ tiêu tán. Tâm thanh tịnh giúp kinh mạch thông suốt. Hết thảy thất tình lục dục đều có thể phá hoại tâm thanh tịnh, từ đó phá hoại sự lưu thông bình thường của kinh mạch.

Điều tâm còn khiến cho thần minh (tinh thần minh mẫn sáng suốt), thần minh ắt cơ linh, người có tâm thanh tĩnh thật tuyệt diệu biết bao, họ có cái nhìn biện chứng, tác phong bề ngoài linh hoạt, thấu hiểu các nguyên lý một cách chính xác, liệu sự nhìn xa trông rộng, gặp loạn bất kinh, thấy cảnh đẹp không bị mê hoặc, có thể thông đạt mọi thứ, bản thân không có những ý kiến chủ quan sai lệch, đại cơ đại dụng, chính là từ đó mà ra.

Trung Dung là nguyên tắc căn bản của dưỡng sinh. Khí huyết trong cơ thể người cũng là một cặp âm dương, huyết là âm là thể, khí là dương là dụng. Huyết là mẹ của khí, khí là chủ tướng của huyết. Khí không đủ, dễ mắc các bệnh do ứ trệ tạo nên như mọc u, tắc động mạch; khí quá độ; dễ mắc các bệnh về xuất huyết não. Cho nên, chỉ khi khí huyết cân bằng, con người mới có thể khỏe mạnh.

Dưỡng sinh có một điều rất trọng yếu, đó là không được sợ chết. Người sợ chết dương khí không đủ, dương khí không đủ, tử thần sẽ tìm ra được bạn. Đây chính là điều mà đạo gia giảng, người tu luyện cần có một khí chất anh hùng. Nhân, trí, dũng, không thể thiếu một trong ba. Tấm lòng quảng đại, là điều kiện phát sinh đại trí huệ.

Tu tánh luyện mạng còn là phương cách sửa nghiệp. Nghiệp gắn bó với con người chặt chẽ, có thể thấy qua những bệnh tật mà mỗi người phải trả trong hiện kiếp. Khoa học đã xác nhận mỗi ngày trong cơ thể con người có hàng triệu tế bào bị chết đi, đồng thời cũng hàng triệu tế bào mới được sinh ra. Như vậy, việc tu tánh luyện mạng sẽ giúp người tu thay đổi nghiệp lực trong châu thân, những tế bào chủng tử nghiệp xấu sẽ chết đi, nhường chỗ cho những tế bào lành mạnh mới sinh ra, làm thay đổi số mạng. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dạy:

*“Nếu tu tánh để tạo nguyên thần, thì tu mạng để có nguyên khí. Thần khí đầy đủ là âm dương hiệp nhất, có khả năng kết hợp cùng Trời Đất.”*

*“Thời mạt kiếp, cơ tận độ sắp bày, người tu hành nhơn đó mà lập công bồi đức để đoạn nghiệp tiền khiên và song song với sứ mạng cứu độ, phải công phu tu tánh luyện mạng để giải thoát luân hồi, tạo cho mình được khả dĩ xứng đáng vào hàng Thần, Thánh, Tiên Phật*.”[[11]](#footnote-11)

TẠM KẾT

Đức Đại Từ Phụ dạy*: “Phương pháp làm cho các con đủ năng lực và tính chất bảo vệ quyền hạn của địa vị con người đều đặt trọn vào ý nghĩa mùa Xuân, vì nó là biểu tượng cho sự ấm áp, cho tình thương nơi Thầy và cho sự sống vĩnh cửu hằng hữu với vũ trụ không gian.*

*Vậy thì các con nên căn cứ vào nghĩa lý ấy mà gìn giữ tâm linh được điều hòa thanh tịnh luôn, hầu nuôi nấng chơn tánh toàn thiện toàn giác của Thầy đã ban cho mỗi con ngày nào.*

*Không cứ phải một mùa Xuân cách hạ thu đông, hai mùa Xuân hoặc trăm vạn mùa Xuân phát sinh vào thời gian ngắn ngủi, mà mùa nào chí những mùa nào, các con vẫn trau luyện tâm mình được tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền, không sân hận, không si mê, không tham vọng, thì các con tự khắc đã gần gũi với Thầy rồi đó.”[[12]](#footnote-12)*

Thế gian là môi trường thuận lợi nhất để học tập, rèn luyện. Thân xác là phương tiện thích hợp nhất cho sự rèn luyện tại thế gian để phàm tánh và thân mạng thăng hoa thành chơn tánh, chơn mạng trường tồn bất hoại, linh diệu biến thông. Kết quả ấy sẽ đem lại lợi ích cho người tu hành lúc còn sống cũng như sau khi thoát xác. Lúc sống thì thân thể khỏe mạnh, tâm trí sáng suốt, trên thông lý trời, dưới đạt lý đất, chung quanh thì thấu suốt lòng người; đối với xã hội thì hành động ích lợi cho nhân sanh, giáo dân vi thiện, đưa bước đồng loại trở lại quê xưa, hoàn thành sứ mạng đại thừa thiên đạo. Lúc bỏ xác là đã đủ điều kiện trở về cõi an lạc vô sanh bất diệt.

Đó là người tu đã tìm thấy mùa Xuân miên viễn rồi vậy.

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-197bốn). [↑](#footnote-ref-1)
2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-197bốn). [↑](#footnote-ref-2)
3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-197bốn). [↑](#footnote-ref-3)
4. Minh Lý Thánh Hội, 17-10-1965. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-197bốn). [↑](#footnote-ref-5)
6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-01 Quý Hợi (13-02-1983). [↑](#footnote-ref-6)
7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979). [↑](#footnote-ref-7)
8. Thơ Văn Lý Trần, tập 2, tr. bốn63. [↑](#footnote-ref-8)
9. Huờn Cung Đàn, 01-6 Ất Tỵ (29-6-1965). [↑](#footnote-ref-9)
10. *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 18-9 Bính Tý (1936), bài “Dưỡng sanh tánh mạng”. [↑](#footnote-ref-10)
11. Vĩnh Nguyên Tự, 18-01 Nhâm Tuất (11-02-1982). [↑](#footnote-ref-11)
12. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970). [↑](#footnote-ref-12)